

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2021/HS-ST

Ngày: 11-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Từ Minh Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đức và ông Nguyễn Quốc Thắng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2021/TLST- HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/HSST-QĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Võ Thị Cẩm H (tên gọi khác: Võ Thị Cẩm H), sinh năm 1993 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: 55/1A khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1963; bị cáo có chồng tên Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1988. Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 21-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15/10/2020.

2/ Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1988 tại Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: 55/1A khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Trịnh Kim T, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Bản án số 164/2014/HS-ST ngày 21-5-2014 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15/10/2020.

3/ Lã Văn S1, sinh năm 1971 tại Ninh Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lã Văn H (đã chết) và bà Điền Thị K, sinh năm 1945; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1985 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Bản án số 154/2014/HS-ST ngày 19-5-2014 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15/10/2020.

4/ Lê Thành P (tên gọi khác: B), sinh năm 1973 tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp Y, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: 1/289 khu phố H, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Đỗ Thị P và 02 con. Tiền sự: Không có.

Tiền án: Bản án số 15/2019/HS-ST ngày 06-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân:

1/ Bản án số 19/HSST ngày 27/4/2000 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

2/ Bản án số 02/2005/HSST ngày 27/4/2005 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

3/ Bản án số 1652/2007/HSPT ngày 22/11/2007 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 10 (mười) năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”

4/ Quyết định số 68/QĐ-TA ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 15 (mười lăm) tháng.

5/ Ngày 15/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1973; nơi cư trú: 431/2A G, Phường Z, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Đặng Thị Thanh H2, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 3, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 11/10/2020, do không có tiền tiêu xài và nảy sinh ý định trộm cắp tài sản từ trước nên khi đi ngang kiot số 54B1 thuộc địa bàn Khu phố S, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Võ Thị Cẩm H nhìn thấy cửa kiot không khóa và bên trong có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Spacy màu vàng, biển số 52Y2 – 4184 của ông Nguyễn Minh H1 không có người trông coi, H đã lén vào bên trong, thấy ông H1 đang ngủ trên giường và trên tường có treo chìa khóa xe nên H lén lút lấy chìa khóa, dẫn xe ra ngoài, cắm chìa khóa vào xe rồi nổ máy điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường đi, H gặp bị cáo Lê Thành P và nói rằng vừa trộm được xe, P nghe vậy thì bàn với H cùng đem xe về phòng trọ của P tại khu phố H, phường G, thành phố T để cất giữ. Tại phòng của P lúc này có bị cáo Nguyễn Ngọc S (chồng của H) đang ngủ. Sau khi đưa xe cho P, H trở về phòng trọ tại phường T, thành phố D. Khoảng 11 giờ ngày 11/10/2020, khi S thức dậy thì nghe P nói H vừa lấy trộm được xe mô tô đang để trong phòng và nhờ Phước cất giữ. Lúc này, Sáng kêu Phước đem xe xuống phòng của bị cáo Lã Văn S1 (bạn ngoài xã hội của S) cất giữ nhằm tránh bị phát hiện. Do S đã nói trước với S1 nên đến 14 giờ cùng ngày, P điều khiển xe mô tô nói trên xuống phòng trọ của S1 tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để giao xe. Đến ngày 12/10/2020, S liên lạc với S1 và nói rõ nguồn gốc xe do vợ S trộm được và S1 vẫn đồng ý cất giữ. Ngày 13/10/2020, S1 cùng với S đến phòng trọ của đối tượng Lý Bình D, biết D cần tìm mua xe cũ nên S có đề cập đến việc mình có 01 xe tay ga cũ muốn bán nhưng không đề cập nguồn gốc xe cho D biết. Sau khi nghe thông tin từ S và S1, D đề nghị S1 mang xe tới cho D xem. Khoảng 13 giờ cùng

ngày, S1 điều khiển xe mô tô mà H trộm được đến phòng trọ của D, sau đó D nhận xe, điều khiển xe đi một vòng đến khoảng 16 giờ thì quay lại phòng trọ. Lúc này, S1 nhờ D điều khiển xe mô tô Honda Spacy biển số 52Y2 – 4184 chở S1 đến Công an phường A để làm việc về hành vi vi phạm giao thông trước đó. Khi hai đối tượng đến Công an phường A thì ông H1 (bị hại) đang trình báo sự việc mất xe và nhận thấy xe mà đối tượng D đang đậu trước cổng trụ sở Công an phường có đặc điểm giống xe mình bị mất nên đã báo với cơ quan Công an. Khi làm việc với D, đối tượng khai nhận không biết về nguồn gốc xe, chỉ biết xe do S và S1 nhờ bán giúp. Qua truy xét và làm việc với các bị cáo H, S, S1 và P thì các đối tượng này đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 14/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thuận An kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Spacy màu sơn vàng, biển số 52Y2 – 4184, có giá trị 3.900.000đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 165/CT-VKS -TA ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Võ Thị Cẩm H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố các bị cáo Lê Thành P, Lã Văn S1 và Nguyễn Ngọc S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Võ Thị Cẩm H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Lê Thành P từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và bị cáo Lã Văn S1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Spacy, màu sơn vàng, biển số 52Y2 – 4184 là tài sản các bị cáo trộm cắp và tiêu thụ. Qua điều tra xác định xe này do ông H1 mua bằng hình thức giấy tay từ bà Đặng Thị Thanh H2, nhưng cả ông H1 và bà H2 đều không cung cấp được giấy tờ mua bán cũng như bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe. Qua tra cứu dữ liệu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ dựa trên biển số xe, số khung, số máy, nhãn hiệu, chủng loại xe, xác định xe này không có thông tin trên hệ thống quản lý. Do nguồn gốc xe không rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục xác minh làm rõ.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen kèm sim thu giữ của S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu đen kèm sim thu giữ

của S1 được các đối tượng sử dụng để liên lạc nhằm thực hiện hành vi phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.900.000 đồng tương đương giá trị xe theo Kết luận định giá, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với hành vi của đối tượng Lý Bình D: Quá trình điều tra xác định D không biết xe mô tô mà bị cáo S1 và S nhờ bán là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không tiến hành xử lý đối với D là có căn cứ.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Thị Cẩm H, Nguyễn Ngọc S, Lê Thành P và Lã Văn S1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 11/10/2020 tại khu vực Khu phố S, phường A, thành phố T, bị cáo H có hành vi trộm cắp tài sản của bị hại là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Spacy, màu sơn vàng, biển số 52Y2 – 4184 có giá trị 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) và các bị cáo S, P và S1 biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn cố tình nhận giữ tài sản và tìm cách tiêu thụ.

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Võ Thị Cẩm H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Lê Thành P, Lã Văn S1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại và tìm cách tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật Hình sự nhưng vì lòng tham, muốn có tài sản sử dụng và hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản không phải bằng sức lao động của mình, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo P đã từng bị Tòa án xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, hiện chưa được xóa án tích; ngoài ra, các bị cáo H, S, S1 và P từng nhiều lần bị Tòa án xử phạt về các hành vi vi phạm pháp luật hình sự cũng như bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn thực hiện hành vi phạm tội thể hiện các bị cáo là người khó cải tạo giáo dục.

Vì vậy phải xét xử mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, tuy nhiên cũng cần phân hóa vai trò của các bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo P chủ động cất giấu xe dùm H đồng thời rủ rê các bị cáo S1 và S tìm cách tiêu thụ tài sản nên vai trò và mức hình phạt áp dụng cho bị cáo P phải cao hơn các bị cáo còn lại.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo H, S và S1 phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 3.900.000đồng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Đối với hành vi của Lý Bình D: D không biết xe mô tô mà các bị cáo S1 và S nhờ tiêu thụ là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không tiến hành xử lý đối với D là có căn cứ.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Spacy, màu sơn vàng, biển số 52Y2 – 4184 là tài sản các bị cáo trộm cắp. Qua điều tra chưa xác định nguồn gốc xe nên cần giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục xác minh làm rõ.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen kèm sim thu giữ của S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu đen kèm sim thu giữ của S1 được các đối tượng sử dụng để liên lạc nhằm thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.900.000 đồng tương đương giá trị xe theo Kết luận định giá, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Thị Cẩm H (Võ Thị Cẩm H);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thành P;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S và Lã Văn S1;

Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Tuyên bố bị cáo Võ Thị Cẩm H (Võ Thị Cẩm H) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Cẩm H (Võ Thị Cẩm H) 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2020.

1.2. Tuyên bố các bị cáo Lê Thành P (B), Nguyễn Ngọc S và Lã Văn S1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Lê Thành P (B) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2020.

Xử phạt bị cáo Lã Văn S1 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2020.

## 2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu đen kèm sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có dòng chữ Androidone kèm sim.

- Giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Spacy, mang biển số 52Y2 – 4184, số khung \*LWBTCJ20751046553\*, số máy WH152QMI-2\*05M01701\* để tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc xe và xử lý theo quy định pháp luật.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/02/2021).

## 3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Võ Thị Cẩm H, Lê Thành P, Nguyễn Ngọc S và Lã Văn S1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Minh H1 số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án thì còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả

## 4. Về án phí:

Buộc các bị cáo Võ Thị Cẩm H, Lê Thành P, Nguyễn Ngọc S và Lã Văn S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và liên đới nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.



Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Từ Minh Toàn**